TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Hải

2. Ông Nguyễn Minh Toàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Q- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 ngày 3 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Số 2/157 H1 Vương, tổ dân phố Kiến Th 1, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn H1, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Số 2/157 H1 Vương, tổ dân phố Kiến Th 1, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban hành chính khu phố Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (Nay là Uỷ ban nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng) ngày 08/4/1976. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian ngắn,

sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, từ năm 2003 đến nay mặc dù cùng sống chung nhà nhưng bà H và ông H1 ly thân, không còn quan tâm đến nhau, ai làm việc người đó. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Văn H1.

Về con chung: Bà H xác nhận giữa bà và ông H1 có 04 con chung là: Chị Đỗ Thị Bích Q, sinh năm 1976; chị Đỗ Thị Bình Ch, sinh năm 1979; chị Đỗ Thị Thu H2, sinh năm 1982 và chị Đỗ Thị Tuyết Nh, sinh năm 1984. Các con Q, Ch, H2 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) có đủ khả năng lao động nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Đỗ Thị Tuyết Nh, mặc dù đã đủ 18 tuổi nhưng không có khả năng lao động do bị tật nguyền bẩm sinh nên bà H đề nghị Tòa án giao con Tuyết Nh cho bà được trực tiếp chăm sóc cho đến khi con đủ khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con Tuyết Nh, bà H không đề nghị ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H và ông H1 tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn là ông Đỗ Văn H1:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã tống đạt hợp lệ các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng ông H1 đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của ông; mặt khác, ông H1 cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, tại phiên tòa lần 1 và lần 2 ông H1 đều vắng mặt.

Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Bà H và ông H1 là vợ chồng, trong cuộc sống hàng ngày có mâu thuẫn, bất đồng, thường cãi vã nhau. Hiện nay ông H1 và bà H đã ly thân từ lâu, ai làm việc người đó. Nay bà H có đơn xin ly hôn với ông H1, đề nghị Tòa án hòa giải để ông bà đoàn tụ, trường hợp không hòa giải được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Ông H1, bà H có 4 con chung, ba con lớn đều đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, riêng con thứ tư là cháu Đỗ Thị Tuyết Nh mặc dù đã đủ 18 tuổi nhưng không có khả năng lao động nên đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho cháu.Về tài sản chung giữa ông H1 và bà H có những tài sản chung gì thì địa phương không nắm rõ.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng các

quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Đỗ Văn H1. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Đỗ Thị Tuyết Nh, sinh năm 1984 cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi chị Nh đủ khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không đề nghị ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà H xác nhận tự thỏa thuận với ông H1 nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn là bà H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí, trả lại cho bà H số tiền 300.000 đồng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng.Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Bị đơn là ông Đỗ Văn H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban hành chính khu phố Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (Nay là Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng) ngày 08/4/1976 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2003 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Đỗ Văn H1 là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà H và ông H1 có 04 con chung là: Chị Đỗ Thị Bích Q, sinh năm 1976; chị Đỗ Thị Bình Ch, sinh năm 1979; chị Đỗ Thị Thu H2, sinh năm 1982 và chị Đỗ Thị Tuyết Nh, sinh năm 1984. Các con Q, Ch, H2 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) có đủ khả năng lao động, bà H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung là Đỗ Thị Tuyết Nh, mặc dù đã đủ 18 tuổi nhưng bị khuyết tật nặng, không có khả năng lao động do bị tật nguyền bẩm sinh, bà H đề nghị Tòa án giao con Tuyết Nh cho bà được trực tiếp chăm sóc. Xét đây là nguyện vọng chính đáng, chị Nh là con gái, không có khả năng phục vụ bản thân nên cần giao cho mẹ là bà H được trực tiếp chăm sóc cho đến khi chị Nh đủ khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con Tuyết Nh, bà H không đề nghị ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi, có đề nghị miễn nộp án phí nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà H số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Đỗ Văn H1.

2. Về con chung: Giao con chung là chị Đỗ Thị Tuyết Nh, sinh năm 1984 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc nuôi con chung của bà H được thực hiện cho đến khi chị Nh đủ khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Đỗ Văn H1 phải chấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai ký hiệu: AA/2021 số 0009699 ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Đỗ Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
-VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- UBND quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quỳnh Như

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Quỳnh Như